TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02-11-2018
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 426/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, về "tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô Huỳnh N, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp PHA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp NB, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị H, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp NB, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Tô Huỳnh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh L chung sống với nhau năm 2014 trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do mẹ chồng quá khó khăn, chồng thường xuyên ăn

chơi đánh đập nhiều lần, không quan tâm lo lắng vợ con. Anh chị ly thân từ 19/6/2018 cho đến nay. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị N và anh L có một người con chung tên Nguyễn Việt K, sinh ngày 02/7/2015, cháu K sống chung với anh L từ khi anh chị ly thân đến nay. Chị N đồng ý giao cháu K cho anh L nuôi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung: Ngày cưới chị và anh Là được tặng cho 10 chỉ vàng 24k. Sau khi chị về chung sống bên gia đình chồng, mẹ chồng bà Lê Thị H đã mượn, chị N yêu cầu bà H trả lại để vợ chồng phân chia mỗi người hưởng ½. Bà H mượn đưa cho anh L làm vốn mua võ, máy và dụng cụ đi mua bán đồ tươi trên sông, việc buôn bán đồ tươi do bà H và anh L tự quyết định chị không biết, thu nhập từ việc bán đồ tươi cũng do anh L và bà H nắm giữ. Khi mượn vàng không làm giấy tờ vì là mẹ con trong nhà, mượn vàng có mẹ chồng và chồng chứng kiến, ngoài ra không còn ai biết và chứng kiến. Chị N yêu cầu phân chia 10 chỉ vàng 24k, buộc bà H trả số vàng trên cho anh chị, không yêu cầu phân chia một chiếc võ và một loa để bán đồ tươi.

Tại phiên tòa, chị N rút yêu cầu phân chia tài sản chung 10 chỉ vàng 24k, buộc bà H trả số vàng trên cho anh chị.

Về nợ: Không có.

Anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Về hôn nhân: Anh L chung sống với chị N vào năm 2014 trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị N tự ý bỏ nhà đi, gia đình anh không ai khó khăn, cũng không ai đánh đập chị N. Anh L đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Chị N và anh L có một con chung tên Nguyễn Việt K, sinh ngày 02/7/2015. Cháu K sống chung với anh L từ khi anh chị ly thân đến nay. Khi ly hôn, anh L đồng ý nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh L xác định vào ngày đám cho đồ, gia đình anh cho vợ chồng 9 chỉ vàng 24k, sau khi kết hôn, vợ chồng cùng đi bán vàng ở CL để làm vốn mua bán đồ tươi kiếm tiền lời chi xài, số vàng trên hiện nay không còn nên không đồng ý phân chia theo yêu cầu của chị N. Tài sản chung của anh chị còn lại một chiếc võ và một loa để bán đồ tươi.

Về nợ: Không có.

Bà Lê Thị H trình bày:

Trong ngày đám cho đồ, bà có cho anh L, chị N 9 chỉ vàng 24k, một đôi bông 5 phân vàng 18k, sau khi kết hôn, anh L, chị N xin làm riêng nên đi bán vàng mua võ, máy, loa để bán đồ tươi trên sông. Bà không có mượn vàng của anh L, chị N nên không đồng ý trả 10 chỉ vàng 24k theo yêu cầu của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh L chung sống với nhau năm 2014 trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N với anh L.

[2] Về con chung: Chị N và anh L có một con chung tên Nguyễn Việt K, sinh ngày 02/7/2015. Chị N và anh L thống nhất giao cháu K cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân cho đến nay, anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu vẫn phát triển đầy đủ về mặt thể chất lẫn tinh thần, cuộc sống của cháu đã ổn định. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh chị thống nhất giao cháu K cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng. Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu K cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Chị N và anh L không có sự thống nhất trong việc xác định tài sản chung của anh chị: Chị Như xác định 10 chỉ vàng 24k, anh Là xác định 09 chỉ vàng 24k nhưng hiện nay không còn vì đã bán mua võ, máy, loa để buôn bán đồ tươi. Tại đơn khởi kiện, chị N yêu cầu phân chia 10 chỉ vàng 24k mỗi người được hưởng 1/2, buộc bà H trả số vàng trên để anh chị phân chia. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị N rút yêu cầu phân chia tài sản trên. Xét thấy, việc chị N rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia 10 chỉ vàng 24k.

[4] Về nợ chung: Chị N và anh L xác định anh chị không nợ ai và không ai nợ lại anh chị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận chị Tô Huỳnh N và anh Nguyễn Thanh L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Việt K, sinh ngày 02/7/2015 cho anh Nguyễn Thanh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Tô Huỳnh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia 10 chỉ vàng 24k.

3. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tô Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ngày 22 tháng 8 năm 2018 chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010319 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tô Huỳnh N không phải chịu, ngày 22 tháng 8 năm 2018 chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 437.500 đồng theo biên lai thu số 0010320 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được nhận lại.

Chị Tô Huỳnh N, anh Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TP, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng